

Đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ : 6 Lê Thánh Tôn, P.Bến Nghé, Quận 1 TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 2 NĂM 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý II Năm 2011

	Chi tiêu	Quý 2		Tích lũy đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	587.245.279.974	550.668.403.763	1.076.066.757.736	960.043.328.312
2	Các khoản giảm trừ		2.125.000		2.125.000
3	Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	587.245.279.974	550.666.278.763	1.076.066.757.736	960.041.203.312
4	Giá vốn hàng bán	494.567.285.164	496.209.431.896	905.629.856.578	832.379.843.152
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	92.677.994.810	54.456.846.867	170.436.901.158	127.661.360.160
6	Doanh thu hoạt động tài chính	41.794.341.468	67.563.924.300	104.558.894.062	91.440.708.467
	Trong đó :				
	-Cổ tức nhận được	6.727.020.748	29.467.499.530	7.198.947.711	39.082.773.138
	- Lãi chênh lệch tỉ giá	21.750.573.643	20.264.927.540	51.226.685.215	23.877.665.689
	- Lãi ngân hàng	9.477.517.787	3.101.406.557	20.280.846.862	3.350.821.663
	- Lãi góp vốn liên doanh liên kết	3.839.229.291	14.730.090.673	25.852.414.275	25.129.447.977
7	Chi phí tài chính	124.284.429.017	53.173.906.910	184.438.768.857	85.037.972.659
	Trong đó :				
	- Chi phí lãi vay	42.875.372.610	24.231.534.961	76.320.182.014	41.361.852.153
	- Lỗ chênh lệch tỉ giá	17.384.782.736	20.102.860.050	29.521.707.862	32.555.536.717
	-Lỗ chứng khoán thực hiện	2.152.133.841	7.725.363.682	7.826.015.986	16.126.104.066
	-Dự phòng đầu tư chứng khoán	61.872.139.830	1.114.148.217	70.770.862.995	(5.005.520.277)
8	Chi phí bán hàng	3.665.591.089	3.368.602.828	6.922.031.731	6.355.598.863
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	36.185.395.027	36.494.424.417	75.931.790.594	63.442.888.367
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(29.663.078.855)	28.983.837.011	7.703.204.038	64.265.608.738
11	Thu nhập khác	24.084.793.296	44.536.583.158	28.588.702.526	45.347.065.181
12	Chi phí khác	12.371.386.632	7.915.481.619	15.159.777.619	8.402.605.551
13	Lợi nhuận khác	11.713.406.664	36.621.101.539	13.428.924.907	36.944.459.630
14	Lợi nhuận trước thuế	(17.949.672.191)	65.604.938.550	21.132.128.946	101.210.066.368
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.769.878.064	12.819.879.380	5.851.314.062	15.948.952.648
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(1.875.265.175)
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(21.719.550.255)	54.660.324.345	15.280.814.884	87.136.380.895
17.1	Lãi sau thuế của cổ đông thiểu số	(325.086.648)	2.019.225.534	719.669.863	3.340.793.493
17.2	Lãi sau thuế của Công ty Gemadept	(21.394.463.606)	52.641.098.812	14.561.145.020	83.795.587.402

Hồ Chí Minh, Ngày 25 tháng 7 năm 2011

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Phụ trách kế toán

Đỗ Văn Minh
Tổng giám đốc